TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST.
Ngày: 23-3-2020.
V/v: *"Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề; Yêu cầu buộc tháo dỡ cổng rào chắn lối đi và buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huyền

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Phương Dung

-Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST- DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về *"Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề; Yêu cầu buộc tháo dỡ cổng rào chắn lối đi và buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS, ngày 07/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-DS, ngày 24/02/2020 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA, ngày 06/3/2020 đối với các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1) Ông Trương Đ, sinh năm 1952;

2) Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956;

3) Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976;

4) Chị Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1977;

5) Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Thôn BT, xã PRT, huyện BB, Bình Thuận;

6) Ông Lê Phước S, sinh năm 1965;

7) Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Thôn Bình Liêm, xã PRT, huyện BB, Bình Thuận;

8) Bà Võ Thị H, sinh năm 1964;

9) Chị Nguyễn Thị Xuân Th, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn BL1, xã PRT, huyện BB, Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn Bình Liêm, xã PRT, BB, Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1) Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn Bình Liêm, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

2) Bà Phạm Thị Kiều L, sinh năm 1955 (ủy quyền cho ông Trương Đ);

3) Ông Nguyễn S, sinh năm 1954 (ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B);

4) Anh Tạ Xuân C, sinh năm 1973 (ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Ngọc S);

5) Ông Lê Văn T, sinh năm 1967 (ủy quyền cho bà Nguyễn Thị P);

Cùng địa chỉ: Thôn BT, xã PRT, Bắc Bình, Bình Thuận.

6) Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1964 (ủy quyền cho ông Lê Phước S);

Địa chỉ: Thôn Bình Liêm, xã PRT, Bắc Bình, Bình Thuận.

7) Anh Bùi Văn P, sinh năm 1980 (ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Xuân Th);

8) Ông Võ Minh L1, sinh năm 1964 (ủy quyền cho bà Võ Thị H);

Cùng địa chỉ: Thôn BT, xã PRT, BB, Bình Thuận

Các nguyên đơn, anh C, anh P có mặt; nguyên đơn Nguyễn Thị M vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, các nguyên đơn ông Trương Đ, ông Lê Phước S, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Ngọc S, bà Nguyễn Thị P, bà Võ Thị H, chị Nguyễn Thị Xuân Th và anh Nguyễn Thanh T1 trình bày:* Các nguyên đơn là những hộ nông dân sản xuất thanh long trên ruộng của gia đình tại xứ đồng Chà Vầu, tục danh Thủ Lũy-Bà Hà thuộc thôn BT, xã PRT, huyện Bắc Bình. Để đi được vào đất sản xuất của các nguyên đơn chỉ có duy nhất con đường bờ vùng Thủ Lũy với chiều dài hơn 100m, chiều rộng gần 03m, được hình thành từ rất lâu. Trước đây, nó là con đường nhỏ hẹp nằm cặp theo mương nước, xung quanh là ruộng của bà Nguyễn Thị T3 (mẹ ông Nguyễn Xuân B), phía trong là khu vực ruộng của các nguyên đơn và tất cả đều sử dụng chung con đường này. Cách đây 05 năm, ông Nguyễn Xuân B là hộ có ruộng đất nằm phía trước con

đường tính từ ngã ba bờ vùng vào, đã múc đất ruộng đổ thêm lên đường bờ vùng cho dễ đi một đoạn từ ngã ba đến khu vực ruộng có căn nhà của ông Bình khoảng 70m. Đến tháng 5/2017, ông Nguyễn Xuân B đã rào một cổng sắt chắn ngang con đường đi, không cho các hộ đi vào đất sản xuất của mình để canh tác. Do bức xúc nên các nguyên đơn đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã PRT, tại địa phương đã hòa giải, các nguyên đơn thống nhất trả cho ông Nguyễn Xuân B số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là chi phí mà ông Bình đã bỏ ra để nâng cấp con đường đi và ông Bình phải tháo dỡ cổng sắt cho các nguyên đơn đi vào đất sản xuất của mình. Sau khi các bên đã ký cam kết thì ông Nguyễn Xuân B không thực hiện mà tiếp tục cản trở việc đi lại của các nguyên đơn. Kể từ đó giữa nguyên đơn với ông Nguyễn Xuân B đã xảy ra tranh chấp và khởi kiện đến Tòa án nhưng ông Nguyễn Xuân B cố ý tránh mặt không đến Tòa và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Nay, các nguyên đơn vẫn tiếp tục khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân B phải tháo dỡ cổng rào sắt trả lại con đường cho các nguyên đơn đi vào đất sản xuất của mình, buộc ông Nguyễn Xuân B phải chấm dứt hành vi cản trở quyền đi lại của các nguyên đơn. Đối với chi phí mà ông Nguyễn Xuân B đã bỏ ra để nâng cấp con đường mà trước đây các nguyên đơn đồng ý hoàn lại cho ông Bình là số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) thì yêu cầu ông Nguyễn Xuân B phải có mặt để cùng các nguyên đơn xác định lại thì mới trả số tiền này cho ông Nguyễn Xuân B.

Đối với bị đơn Nguyễn Xuân B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên quan Nguyễn Thị C: Kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, vợ chồng ông Bình, bà Chính đều vắng mặt, không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Là vợ, chồng của các nguyên đơn và đã ủy quyền cho các nguyên đơn nên được xem đã thống nhất ý kiến với các nguyên đơn.

Tại các biên bản xác minh của một số người biết sự việc, đã khai như sau:

- Ông A (là đội trưởng đội sản xuất của Hợp tác xã BT giai đoạn 1983-1989): Xác định nguồn gốc con đường đi mà các hộ dân đang tranh chấp với ông Nguyễn Xuân B, đã có từ rất lâu, từ khi mà người Chăm xã PH, huyện BB canh tác ruộng tại khu vực Thủ Lũy. Sau khi phân chia lại địa giới hành chính thì khu vực này được chuyển giao cho xã PRT quản lý. Trước đây nó chỉ là một con đường mòn, vào năm 1995-1996, theo chủ trương chung của huyện Bắc Bình về việc mở rộng giao thông nội đồng thì các hộ dân có ruộng tại khu vực này đều phải đóng góp công để làm. Do khúc đường từ ngã ba bờ vùng vào đến gần ruộng của bà Nguyễn Thị T3(đã chuyển giao lại cho anh Nguyễn Xuân B) bị trũng nên anh Bình đã múc đất từ đất gò đắp lên để tạo thành đường bằng phẳng. Việc anh Nguyễn Xuân B làm cổng chặn không cho các hộ dân có ruộng bên trong vào canh tác là không đúng.

- Ông X (là người có ruộng tại khu vực tranh chấp đường đi của các hộ): Xác định nguồn gốc con đường đi mà ông Nguyễn Xuân B làm cổng chắn ngăn cản các hộ có ruộng phía bên trong vào ruộng của mình canh tác đã có từ rất lâu. Do khúc đường đi đến ruộng của ông Nguyễn Xuân B bị trũng nên ông Bình có múc đất đắp vào cho con đường bằng phẳng.

Ngoài ra, qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã PRT và Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện BB, đều xác định nguồn gốc con đường mà các hộ đang tranh chấp là đất gò. Khoảng năm 1990 chủ nhiệm Hợp tác xã BT (ông Y- đã chết) có hoán đổi đất gò này với bà Nguyễn Thị T3 (là mẹ ruột của Nguyễn Xuân B và đã định cư tại Mỹ vào năm 2005) để bà T3 sử dụng, tuy nhiên việc hoán đổi đất bằng miệng không làm giấy tờ lưu lại. Diện tích con đường đang tranh chấp là (139 x 03)m, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai và hiện nay nó thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 09 (dự án 920), được quy hoạch là đất giao thông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 169; 245, Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 10 Điều 12; khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Xuân B và chị Nguyễn Thị C trả lại lối đi qua bất động sản liền kề, buộc tháo dỡ cổng rào chắn lối đi và chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất tại khu vực ruộng tục danh Thủ Lũy, Xoài Mướp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

1.1 Các nguyên đơn khởi kiện bị đơn về *"Tranh chấp quyền về lối đi qua bất động sản liền kề; Yêu cầu buộc tháo dỡ cổng rào chắn lối đi và buộc chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi"* nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 và Khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện so với yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 13/6/2018, tuy nhiên việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện như đã trình bày tại nội dung Đơn khởi kiện, cho nên căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của các nguyên đơn trình bày tại phiên tòa.

1.2 Nguyên đơn Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến giải quyết và đã tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó sẽ đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được giải quyết theo quy định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3 Bị đơn Nguyễn Xuân B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhiền lần, đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt và họ không có yêu cầu phản tố cũng như yêu cầu độc lập nên tại phiên tòa hôm nay xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan Nguyễn Thị C theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Các nguyên đơn ông Trương Đ, ông Lê Phước S, bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Ngọc S, bà Nguyễn Thị P, bà Võ Thị H, chị Nguyễn Thị Xuân Th và anh Nguyễn Thanh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn Nguyễn Xuân B phải tháo dỡ cổng sắt, chấm dứt hành vi ngăn cản quyền đi lại vào ruộng canh tác của các nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Về nguồn gốc con đường đi đang tranh chấp: Con đường có chiều dài 139m, rộng 03m (diện tích 417m^2) bắt đầu từ ngã ba Thủ Lũy-Bà Hà đi ngang qua ruộng của bị đơn và dẫn vào ruộng của các nguyên đơn. Căn cứ vào Công văn số 2148/UBND-NC ngày 14/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện BB xác nhận đất con đường đi có nguồn gốc từ việc hoán đổi giữa Hợp tác xã BT với bà Nguyễn Thị T3 (là mẹ ruột của bị đơn Nguyễn Xuân B và đã xuất cảnh sang Mỹ từ năm 2005) nhưng từ khi hoán đổi đến trước khi bà Nguyễn Thị T3 định cư tại Mỹ thì đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T3. Mặc dù, Ủy ban nhân dân xã PRT và tại Báo cáo của Phòng tài nguyên môi trường huyện BB ngày 27/02/2018, cho rằng nguồn gốc con đường này trước đây nó là đất gò và cũng được sử dụng vào mục đích là đường đi nhưng khu vực đất này đã được Hợp tác xã BT hoán đổi cho bà Nguyễn Thị T3 (là mẹ ruột của bị đơn) nhưng việc hoán đổi không có lưu lại bằng giấy tờ, người thực hiện việc hoán đổi đã chết. Hơn nữa, bị đơn không cung cấp chứng cứ để chứng minh có sự hoán đổi đất giữa Hợp tác xã BT với bà Nguyễn Thị T3 và cũng không cung cấp chứng cứ để chứng minh bà Nguyễn Thị T3 đã chuyển giao phần đất này lại cho bị đơn quản lý sử dụng.

Mặt khác, các chứng cứ thu thập được đã thể hiện bà Nguyễn Thị T3 cho đất ruộng cho bị đơn Nguyễn Xuân B với diện tích khoảng 1,8 ha (tại giấy cho đất ngày 20/8/2003) và bị đơn Nguyễn Xuân B đã được Ủy ban nhân dân huyện BB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 18.092m^2 vào ngày 20/4/2016 (23 giấy CNQSD dất). Tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 881988 (thửa số 79), CC 881981 (thửa số 68), CC 881980 (thửa số 69) và CC 881984 (thửa số 65)

thể hiện phía nam các thửa đất này giáp với đường đi; tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 881986 (thửa số 81), CC 881987 (thửa số 80) thể hiện phía bắc các thửa đất này giáp với đường đi.

Vì vậy, chưa đủ căn cứ pháp lý để khẳng định đất con đường đi mà các bên đang tranh chấp với bị đơn có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị T3 (mẹ ruột của bị đơn) hoán đổi với Hợp tác xã nông nghiệp BT, xã PRT, huyện Bắc Bình. Hơn nữa, theo hiện trạng thực tế, diện tích con đường này thuộc thửa đất số 84, tờ bản đồ số 09 (dự án 920) được đo đạc vào năm 2009, thể hiện là con đường đi và đã được Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình đưa vào quy hoạch sử dụng là đất giao thông.

2.2 Về quá trình sử dụng con đường đi đang tranh chấp: Các nguyên đơn cũng như một số người làm chứng đều xác định con đường này đã được hình thành từ rất lâu và đây là đường giao thông nội đồng duy nhất để đi vào ruộng canh tác của các nguyên đơn.

Tại các biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã PRT vào năm 2017, giữa các nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận con đường đang tranh chấp là con đường duy nhất để các hộ đi vào ruộng canh tác. Bị đơn cho rằng đất con đường đang tranh chấp là của gia đình bị đơn và bị đơn đã bỏ chi phí đắp con đường đi này nên có quyền lắp cổng rào chắn ngang con đường, khóa cổng không cho các nguyên đơn vào ruộng của mình.

Xét thấy, con đường giao thông nội đồng đang tranh chấp có chiều dài 139m, rộng 03m, tính từ ngã ba Bờ vùng-Thủ Lũy đến cánh cổng do bị đơn rào lại là 68m, là đường sỏi đỏ, hai bên là nhà và đất của bị đơn, nối tiếp liền phía sau cánh cổng là con đường đất dẫn vào ruộng của các nguyên đơn. Tại Công văn số 2148/UBND-NC ngày 14/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện BB xác nhận đất con đường đi mà các bên đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, bị đơn cũng không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận phần diện tích đất tranh chấp này và diện tích đất con đường đang tranh chấp đã được quy hoạch là đường giao thông. Hơn nữa, khi tiến hành hòa giải tại địa phương, bị đơn chỉ yêu cầu các nguyên đơn phải trả lại chi phí mà bị đơn đã bỏ ra để bồi đắp con đường thì mới tháo dỡ cổng cho các nguyên đơn vào ruộng của mình canh tác, không đề cập đến việc bồi thường diện tích đất con đường đi đang tranh chấp.

2.3 Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy theo hiện trạng thực tế đây là con đường giao thông nội đồng và là con đường duy nhất mà các nguyên đơn sử dụng để đi vào ruộng canh tác của mình và có căn cứ xác định diện tích đất 417m^2 thuộc một phần thửa đất số 84, tờ bản đồ số 09 (dự án 920) thuộc thôn BT, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận là lối đi chung của các nguyên đơn và bị đơn. Hơn nữa, diện tích đất con đường này cũng đã được quy hoạch là đường giao thông nông thôn. Việc bị đơn tự ý rào cổng ngăn cản quyền đi lại của các nguyên đơn là không có cơ sở. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, vì vậy buộc bị đơn phải tháo dỡ cổng rào đã được đo đạt với kích thước (3,5m

x 1,5m) gồm 02 trụ bê tông có kích thước (0,15 x 0,15 x 02)m, cánh cổng bằng thép hợp (0,3 x 0,15)m và chấm dứt hành vi ngăn cản quyền đi lại của các nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu sẽ hoàn trả lại cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là chi phí bồi đắp con đường đi của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy do bị đơn không tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa các nguyên đơn cũng không đặt ra vấn đề hoàn lại chi phí bồi đắp đường đi cho bị đơn nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi bị đơn có yêu cầu.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với các chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và đã nộp đủ.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; Khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tống tụng dân sự năm 2015; Điều 165 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 10 Điều 12 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị M.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trương Đ, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị P, Lê Phước S, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Xuân Th và Võ Thị H.

Buộc bị đơn Nguyễn Xuân B phải tháo dỡ cổng rào có kích thước (3,5m x 1,5m) gồm 02 trụ bê tông có kích thước (0,15 x 0,15 x 02)m, cánh cổng bằng thép hợp kích thước (0,3 x 0,15)m, chắn ngang con đường đi tại khu vực Thủ Lũy-Bà Hà thuộc thôn BT, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Buộc bị đơn Nguyễn Xuân B chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền đi lại của các nguyên đơn Trương Đ, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Ngọc S, Nguyễn Thị P, Lê Phước S, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thị Xuân Th và Võ Thị H trên con đường có chiều dài 139m, rộng 03m (diện tích 417m^2) bắt đầu từ ngã ba Thủ Lũy-Bà Hà, đã được quy hoạch vào mục đích giao thông công cộng thuộc thửa số 84, tờ bản đồ 09 (dự án 920).

(Kèm theo sơ đồ vị trí đất).

3. Về án phí:

- Sung công quỹ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị Nguyễn Thị M đã nộp theo biên lai thu số 0015790 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

- Bị đơn Nguyễn Xuân B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho:

+ Ông Trương Đ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0015795, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

+ Chị Nguyễn Thị Xuân Th số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0015793, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

+ Bà Võ Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0015792, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

+ Bà Nguyễn Thị B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0015791, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0015795, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

+ Anh Nguyễn Thanh T1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0015788, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

+ Bà Nguyễn Thị P số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0015787, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

+ Ông Lê Phước S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu số 0015796, ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

4. Quyền kháng cáo: Các nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/3/2020). Nguyên đơn Nguyễn Thị M, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Bắc Bình;
-Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
-Các đương sự;
-Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Huyền